

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACOSố 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6-7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-28

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CỔ PHẦN NTACO (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/11/2015
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/11/2015
Ông Hồ Mạnh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/11/2015
Ông Nguyễn Hải Văn Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/11/2015
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/06/2015

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/11/2015
Ông Lý Vĩ Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/12/2015
Bà Phạm Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/09/2016
Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/12/2015
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Nguyễn Thanh Sơn

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mẫu số B01 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	31/12/2015 (Chưa kiểm toán)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		118,322,186,737	111,307,152,526
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	548,405,381	1,491,188,857
1. Tiền	111		548,405,381	1,491,188,857
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113,405,029,015	109,815,963,669
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	147,233,661,378	145,417,476,960
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	69,384,192,235	69,119,430,474
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		490,159,167	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10,480,000,000	10,480,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	5,147,768,660	4,129,808,660
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(119,496,529,992)	(119,496,529,992)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		165,777,567	165,777,567
IV. Hàng tồn kho	140		4,368,752,341	-
1. Hàng tồn kho	141	V.8	4,368,752,341	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		48,000,656,249	52,797,152,477
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		153,989,898	153,989,898
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	307,979,796	307,979,796
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.7	(153,989,898)	(153,989,898)
II. Tài sản cố định	220		47,238,291,081	52,126,230,143
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9	40,754,871,081	45,642,810,143
- Nguyên giá	222		115,939,559,159	115,939,559,159
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(75,184,688,078)	(70,296,749,016)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	6,483,420,000	6,483,420,000
- Nguyên giá	228		6,483,420,000	6,483,420,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231			
- giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		31,814,078	31,814,078
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	31,814,078	31,814,078
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		29,264,358	29,264,358
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1,335,000,000	1,335,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn(*)	254		(1,305,735,642)	(1,305,735,642)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		547,296,834	455,854,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		547,296,834	455,854,000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		166,322,842,986	164,104,305,003
C. Nợ phải trả (300=310+330)	300		468,341,669,795	464,970,381,404
I. Nợ ngắn hạn	310		468,341,669,795	464,970,381,404
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	10,785,743,786	7,779,350,340
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1,206,276,190	1,136,276,190
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14	537,230,721	804,852,554
4. Phải trả người lao động	314		1,716,816,110	1,374,702,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	102,285,141,707	102,285,141,707
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		337,817,697	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	5,483,058,589	3,454,455,195
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	345,748,955,655	347,894,974,078

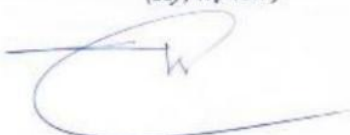
CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	240,629,340	240,629,340
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	324		-	
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		(302,018,826,809)	(300,866,076,401)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(302,018,826,809)	(300,866,076,401)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119,999,980,000	119,999,980,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	4111	V.19a	119,999,980,000	119,999,980,000
- Cổ phiếu ưu đãi	4112			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19a	(422,018,806,809)	(420,866,056,401)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		166,322,842,986	164,104,305,003


An Giang, ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Minh Trọng

Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)




Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

(Ban hành theo TT200/2014 /QĐ-BTC

ngày 22/12/2014 của BTC)

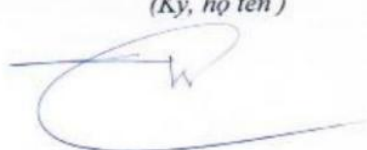
BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15,264,419,414	20,096,548,146	42,718,453,848	67,766,452,044
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10		15,264,419,414	20,096,548,146	42,718,453,848	67,766,452,044
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13,781,433,950	21,431,795,557	35,674,005,010	75,277,509,087
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10-11)	20		1,482,985,464	(1,335,247,411)	7,044,448,838	-7,511,057,043
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,319,012	938,291	6,856,793	762,426,074
7. Chi phí tài chính	22	VI.4		78,215,200		22,980,502,609
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			39,333,000		22,938,404,454
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8,100,000	197,164,422	41,259,840	658,292,651
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2,453,293,154	2,293,930,381	6,705,604,335	15,986,421,027
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(974,088,678)	(3,903,619,123)	304,441,456	(46,373,847,256)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	311,891,747	4,178,134,829	1,031,533,772	41,870,529,021
12. Chi phí khác	32	VI.7		916,944,017	140,511,000	45,707,445,327
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		311,891,747	3,261,190,812	891,022,772	(3,836,916,306)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(662,196,931)	(642,428,311)	1,195,464,228	(50,210,763,562)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8		-	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	60		(662,196,931)	(642,428,311)	1,195,464,228	(50,210,763,562)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.9	(55)	(54)	100	(4,184)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

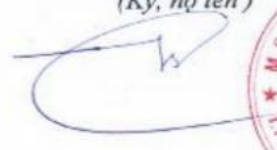
An Giang, ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Minh Trọng

Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thanh Sơn

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

Đơn vị: VND

Chi tiêu	M.Số	Thuyết Minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
A	B	C		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		42,989,407,663	69,430,607,475
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(10,795,688,470)	(42,099,363,414)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16,536,064,000)	(18,920,103,400)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			(79,945,085)
5. Thuế TNDN đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		33,706,248,778	29,057,992,252
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(48,160,669,024)	(30,265,056,097)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		1,203,234,947	7,124,131,731
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21			(59,800,638)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(59,800,638)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các DN đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2,146,018,423)	(6,451,284,410)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

			(2,146,018,423)	(6,451,284,410)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(942,783,476)	613,046,683
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,491,188,857	876,602,038
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			1,540,136
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		548,405,381	1,491,188,857

An Giang, ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Minh Trọng

Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ntaco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là chế biến thủy sản và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến mua bán nông sản;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái	Tổ 18, Quốc lộ 91, ấp Bình An I, xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
Nhà máy bao bì Vạn Lợi	Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 510 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 489 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán có đủ hồ sơ chứng minh:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu không còn hồ sơ chứng minh: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng là 50%.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 45
Máy móc và thiết bị	8 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Tiền mặt	230.629.861	241.959.850
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	317.775.520	1.249.229.007
Cộng	<u>548.405.381</u>	<u>1.491.188.857</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>30/09/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Âu Việt ⁽ⁱ⁾	1.335.000.000	(1.305.735.642)	1.335.000.000	(1.305.735.642)
Cộng	<u>1.335.000.000</u>	<u>(1.305.735.642)</u>	<u>1.335.000.000</u>	<u>(1.305.735.642)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 1501406567 ngày 27 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Âu Việt 1.335.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Số đầu năm	1.305.735.642	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.305.735.642
Số cuối năm	<u>1.305.735.642</u>	<u>1.305.735.642</u>
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	135.268.129.038	
	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	147.233.661.378	145.417.476.960
Công ty Binca Seafoods GMBH	65.567.144.430	65.567.144.430
Khách vãng lai	15.774.909.805	15.774.909.805
Vùng nuôi sinh thái công ty	14.365.311.684	14.365.311.684
Cao Văn Giàu	12.135.000.000	12.135.000.000
Ngô Thanh Liêm	10.891.244.000	10.891.244.000
Pescados P.C.S., S.L	10.816.638.310	10.816.638.310
Global Tradings Ltd	4.182.076.555	4.182.076.555
Công ty TNHH Mekong	577.500.165	577.500.165
Camarones Pena Blanca S.A. De C.V.	958.304.089	958.304.089
Các khách hàng khác	11.965.532.340	10.149.347.922
Cộng	<u>147.233.661.378</u>	<u>145.417.476.960</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	66.178.037.370			
	30/09/2016	31/12/2015		
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-		
Ông Nguyễn Tuấn Sĩ	-	-		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	69.384.192.235	69.119.430.474		
Ông Ngô Thanh Liêm	47.679.641.787	47.679.641.787		
Cao Văn Giàu	5.666.267.593	5.666.267.593		
Nguyễn Hiền	5.000.000.000	5.000.000.000		
Ông Nguyễn Thành Công	7.832.127.990	7.832.127.990		
Các đối tượng khác	3.206.154.865	2.941.393.104		
Cộng	69.384.192.235	69.119.430.474		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30/09/2016	31/12/2015		
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.480.000.000	10.480.000.000		
Cho Bà Trịnh Thị Kim Sang vay, lãi suất 1,2%/tháng	2.000.000.000	2.000.000.000		
Cho Bà Lê Thị Phùng vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.600.000.000	1.600.000.000		
Cho Ông Lâm Hồng Nam vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.500.000.000	1.500.000.000		
Cho Bà Lê Thị Lệ Thủy vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.500.000.000	1.500.000.000		
Cho Bà Trần Thị Bích Ngọc vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.200.000.000	1.200.000.000		
Cho Bà Lâm Thị Phượng vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.000.000.000	1.000.000.000		
Cho Bà Trương Thị Bảy vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.000.000.000	1.000.000.000		
Cho Ông Nguyễn Văn Hiền vay, lãi suất 1,2%/tháng	600.000.000	600.000.000		
Cho Ông Trần Văn Sê vay, lãi suất 1,5%/tháng	80.000.000	80.000.000		
Cộng	10.480.000.000	10.480.000.000		
6. Phải thu khác				
6a/ Phải thu ngắn hạn khác				
	30/09/2016	31/12/2015		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.147.768.660	(365.764.219)	4.129.808.660	(365.764.219)
Cộng	5.147.768.660	(365.764.219)	4.129.808.660	(365.764.219)

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6b/ Phải thu dài hạn khác

	30/09/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	307.979.796	(153.989.898)	307.979.796	(153.989.898)
Ký cược, ký quỹ	307.979.796	(153.989.898)	307.979.796	(153.989.898)
Cộng	307.979.796	(153.989.898)	307.979.796	(153.989.898)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Phải thu và cho vay ngắn hạn		Phải thu và cho vay dài hạn		Cộng
	31/12/2015	30/09/2016	31/12/2015	30/09/2016	
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	(119.496.529.992)	(119.496.529.992)	(153.989.898)	(153.989.898)	(119.496.529.992)
Hoàn nhập dự phòng				(119.650.519.890)	
30/09/2016	(119.496.529.992)	(119.496.529.992)	(153.989.898)	(119.650.519.890)	(119.650.519.890)

8. Hàng tồn kho

	30/09/2016		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	4.368.752.341	-	-	-
Cộng	4.368.752.341	-	-	-

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	Nguyên giá	Máy móc và thiết bị	Nguyên giá	Máy móc và thiết bị	Nguyên giá	Máy móc và thiết bị	
31/12/2015	42.706.811.823	70.072.320.720	2.426.326.132	2.426.326.132	734.100.484	734.100.484	115.939.559.159
30/09/2016	42.706.811.823	70.072.320.720	2.426.326.132	2.426.326.132	734.100.484	734.100.484	115.939.559.159
Giá trị hao mòn							
31/12/2015	17.684.115.196	50.047.760.480	1.898.978.781	1.898.978.781	665.894.559	665.894.559	70.296.749.016
Khấu hao trong năm	1.704.584.061	3.007.022.967	141.727.780	141.727.780	34.604.254	34.604.254	4.887.939.062
30/09/2016	19.388.699.257	53.054.783.447	2.040.706.561	2.040.706.561	700.498.813	700.498.813	75.184.688.078
Giá trị còn lại							
31/12/2015	25.022.696.627	20.024.560.240	527.347.351	527.347.351	68.205.925	68.205.925	45.642.810.143
30/09/2016	23.318.112.566	17.017.537.273	385.619.571	385.619.571	33.601.671	33.601.671	40.754.871.081

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
31/12/2015	6.483.420.000		6.483.420.000
Thanh lý, nhượng bán			
30/09/2016	6.483.420.000		6.483.420.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2015</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>30/09/2016</u>
Mua sắm tài sản cố định	-				-
Xây dựng cơ bản dở dang	31.814.078				31.814.078
Công trình mở rộng nhà máy Việt Thái	31.814.078	-	-	-	31.814.078
Cộng	31.814.078				31.814.078

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Phải trả các bên liên quan	6.873.459.321	65.882.595
Bà Nguyễn Thị Dung		65.882.595
Phải trả các nhà cung cấp khác	10.785.743.786	7.713.467.745
Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco	873.459.321	873.459.321
Công ty Cổ phần Âu Việt	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Châu Á	-	-
Các nhà cung cấp khác	3.912.284.465	840.008.424
Cộng	10.785.743.786	7.779.350.340

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	1.206.276.190	1.136.276.190
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	67.227.930	67.227.930
Các khách hàng khác	1.139.048.260	1.069.048.260
Cộng	1.206.276.190	1.136.276.190

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	478.073.429	357.538.888
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.467.990
Thuế thu nhập cá nhân	42.407.950	9.012.854
Thuế tài nguyên	2.400.000	1.200.000
Tiền thuê đất		398.283.480
Các loại thuế khác	14.349.342	14.349.342
Cộng	<u>537.230.721</u>	<u>804.852.554</u>

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>102.285.141.707</i>	<i>102.285.141.707</i>
Chi phí lãi vay phải trả	102.285.141.707	102.285.141.707
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>102.285.141.707</u>	<u>102.285.141.707</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>5.530.365.599</i>	<i>3.454.455.195</i>
Kinh phí công đoàn	30.247.360	47.383.360
BHXH, BHYT, BHTN	519.804.469	497.028.075
Công ty Cổ phần Châu Á	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.933.006.760	2.910.043.760
Cộng	<u>5.483.058.589</u>	<u>3.454.455.195</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay ngắn hạn

	30/09/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	345.768.076.678	-	347.894.974.078	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang⁽ⁱ⁾</i>	236.613.778.977	-	238.709.797.400	-
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang⁽ⁱⁱ⁾</i>	28.780.000.000	-	28.780.000.000	-
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	74.242.000.000	-	74.292.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh An Giang^(iv)</i>	3.512.715.551	-	3.512.715.551	-
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam^(v)</i>	1.600.461.127	-	1.600.461.127	-
<i>Ông Dương Thái Nguyên^(vi)</i>	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	345.748.955.655	-	347.894.974.078	-

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/09/2016	Chi quỹ trong năm	31/12/2015
	Quỹ khen thưởng	237.711.277	
Quỹ phúc lợi	2.918.063		2.918.063
Cộng	240.629.340		240.629.340

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
31/12/2015	119.999.980.000	(420.866.056.401)
30/09/2015	119.999.980.000	(422,018,806,809)

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Cổ phiếu

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>01/07/2016</u> đến <u>30/09/2016</u>	<u>01/07/2015</u> đến <u>30/09/2015</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15,264,419,414	20.096.548.146
Trong đó: + Doanh thu bán hàng xuất khẩu		7.890.755.182
+ Doanh thu bán hàng nội địa	15,264,419,414	12.205.792.964
Các khoản giảm trừ doanh thu		
+ Giảm giá hàng bán		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15,264,419,414	20.096.548.146
Trong đó: + Doanh thu thuần bán hàng xuất khẩu		7.890.755.182
+ Doanh thu thuần bán hàng nội địa	15,264,419,414	12.205.792.964

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	01/07/2016 đến 30/09/2016	01/07/2015 đến 30/09/2015
Giá vốn của hàng bán xuất khẩu		7.732.940.078
Giá vốn của hàng bán nội địa	13,781,433,950	13.698.855.479
Cộng	13,781,433,950	21.431.795.557

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	01/07/2016 đến 30/09/2016	01/07/2015 đến 30/09/2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4,319,012	938.291
Lãi chênh lệch tỷ giá		
Cộng	4,319,012	938.291

4. Chi phí tài chính

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 Công ty CP NTACO còn đang nợ tiền vay gốc ngân hàng 345.748.955.655 VND và nếu tính toán, còn nợ tiền lãi khoảng 30 tỷ đồng cho các ngân hàng. Đến nay, các ngân hàng hiện đang tạm dừng việc thu nợ tiền lãi và không cung cấp số liệu cho Công ty CP NTACO.

Công ty CP NTACO đã và đang làm hồ sơ đề nghị giảm trừ tiền nợ lãi và xóa nợ gốc đối với các khoản nợ tài chính tại các ngân hàng đã cho Công ty vay từ những năm trước đây. Đến hết quý IV/2016 Công ty sẽ chính thức báo cáo kết quả xử lý nợ tại các ngân hàng nêu trên.

	01/07/2016 đến 30/09/2016	01/07/2015 đến 30/09/2015
Lãi tiền vay		39.333.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá		
Chi phí tài chính khác		
Cộng		39.333.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	01/07/2016 đến 30/09/2016	01/07/2015 đến 30/09/2015
Chi phí nhân viên		
Chi phí nguyên, vật liệu		
Chi phí đồ dùng		
Chi phí khấu hao tài sản cố định		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,100,000	
Chi phí khác bằng tiền		
Cộng	8,100,000	

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	01/07/2016 đến 30/09/2016	01/07/2015 đến 30/09/2015
Chi phí nhân viên	1,249,951,259	
Chi phí nguyên, vật liệu		
Chi phí đồ dùng văn phòng		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204,089,793	
Thuế phí, lệ phí	3,232,070	
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141,363,049	
Chi phí khác bằng tiền	854,656,983	
Cộng	2,453,293,154	

7. Thu nhập khác

	01/07/2016 đến 30/09/2016	01/07/2015 đến 30/09/2015
Thu nhập khác	311,891,747	4.178.134.829
Bán TSCĐ		3.706.504.759
Thu nhập khác	311,891,747	471.630.070
Chi phí khác		916.944.017
Bồi thường		
Tiền phạt thuế phải nộp		
Chi phí khác		916.944.017

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	01/07/2016 đến 30/09/2016	01/07/2015 đến 30/09/2015
Lợi nhuận trước thuế	(662,196,931)	(642.428.311)
Điều chỉnh tăng Chi phí không được trừ		
Điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	(662,196,931)	(642.428.311)
Lỗ năm trước chuyển sang		-
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	01/07/2016 đến 30/09/2016	01/07/2015 đến 30/09/2015
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(662,196,931)	(642.428.311)
Các khoản điều chỉnh:		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(662,196,931)	(642.428.311)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	11.999.998	11.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(55)	(54)

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.1 Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

3.2 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3.3 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

4. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 (Số liệu được kiểm toán A&C soát xét nhưng chưa thông báo phát hành).

<p>Người lập biểu (Ký, họ tên)</p>  Trần Minh Trọng	<p>Kế toán trưởng (Ký, họ tên)</p>  Trần Minh Trọng	<p>Tổng Giám Đốc (Ký, họ tên)</p>  Nguyễn Thanh Sơn
---	---	--

The image shows three signatures and a red circular stamp. The stamp contains the text: "M.S.D.N. 180051304", "CÔNG TY CP NTACO", and "TP. LONG XUYỀN - T. AN GIANG".

Ngày 30 tháng 09 năm 2016